



VẤN ĐỀ KHÔI PHỤC GIẢNG DẠY CHỮ HÁN TẠI VIỆT NAM

Tomita Kenji*

Như mọi người đã biết, xã hội Nhật Bản đang tiến tới một xã hội có dân số già gia tăng với tốc độ hết sức nhanh chóng. Dân số trong độ tuổi lao động tại Nhật lên cao nhất vào năm 1995, sau đó tiếp tục giảm đi với tỷ lệ mỗi năm giảm 600.000 người. Để bù lại số người lao động giảm đi như vậy, chính phủ Nhật Bản đã tiếp nhận khoảng 700.000 người lao động nước ngoài chính thức, như những người Nam Mỹ gốc Nhật và hơn 160.000 người thực tập sinh, tu nghiệp sinh nước ngoài, đồng thời đã cho phép hơn 200.000 người nước ngoài ở lại Nhật quá thời hạn (over-stay). Tuy nhiên, tổng số những người nước ngoài đó chỉ khoảng 1.000.000 người, nên chưa giải quyết được vấn đề thiếu hụt lực lượng lao động một cách toàn diện. Hiện nay, chính phủ Nhật đang đàm phán với chính phủ Indonesia, Philippines và Thái Lan để đào tạo chuyên viên trông nom bệnh nhân và người già tại Nhật, nhưng chưa thể tìm được đủ số người cần thiết.

Trước tình hình đó, chúng tôi nhận thấy: nguồn nhân lực dồi dào của Việt Nam có thể giúp Nhật Bản giải quyết hiện trạng thiếu hụt lực lượng lao động.

Nền văn hoá của Nhật Bản và Việt Nam có nhiều nét tương đồng nên hai dân tộc dễ dàng thông cảm với nhau. Lãnh thổ của hai dân tộc đều nằm ở gần Trung Quốc, đã tiếp thu văn hoá Trung Quốc để xây dựng nhà nước, rồi về sau vừa chịu ảnh hưởng văn hoá phương Tây vừa tiếp tục xây dựng nền văn hoá đặc sắc của dân tộc mình.

Hai dân tộc chúng ta đều coi trọng những giáo lý của Nho giáo như tôn kính bố mẹ, giúp đỡ người già, coi trọng trật tự trong gia đình và ngoài xã hội. Hai dân tộc đều có tục thờ cúng tổ tiên, nhiều người theo đạo Phật, bồi dưỡng sức sống tinh thần với những trí tuệ Đạo giáo và có tục xem bói, thờ thần. Hai dân tộc cùng có một nền văn hoá tinh thần truyền thống mà người Việt gọi là “tam giáo” xuất

* Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ Quốc tế, Trường Đại học Osaka, Nhật Bản.

nguồn từ Trung Quốc và hiện đang nằm bền vững trong tâm thức của phần lớn người dân hai nước.

Thêm vào đó, chúng ta đều dùng đũa để ăn cơm, khi ăn xong thì dùng tăm xỉa răng, uống nước trà. Đến ngày lễ, dân tộc hai nước đều có tục làm các loại bánh, thổi xôi. Sở dĩ bản thân tôi đã hơn 40 năm nay tiếp xúc được với các bạn Việt Nam một cách hết sức tự nhiên vui vẻ, không có gì trở ngại, chính là vì những lý do như thế.

Để tăng cường quan hệ gần gũi và thân mật giữa hai dân tộc, chúng tôi xin phép được đề xuất một ý kiến có thể khiến cho độc giả ngạc nhiên. Đó là yêu cầu phục hồi việc giảng dạy chữ Hán trong trường phổ thông ở Việt Nam. Chắc các bạn cảm thấy đó là một ý kiến trái ngược với xu hướng hiện đại, đối với một nhà nước đã bỏ chữ Hán được gần 100 năm rồi. Nhưng chúng tôi rất mong các bạn hãy dành thời gian lắng nghe ý kiến của chúng tôi.

Khu vực Á Đông mà hai dân tộc chúng ta đang cư trú là khu vực được gọi là Khu vực văn hoá Trung Quốc, cũng được gọi là Khu vực văn hoá chữ Hán. Cách gọi đó cũng giúp cho chúng ta hiểu rằng các nước Á Đông đã phát triển văn hoá với sự có mặt của chữ Hán. Ngay cả các nước không còn dùng chữ Hán, như Việt Nam và Bắc Triều Tiên cũng không thể nào phủ định được sự tồn tại của một quá trình lịch sử như vậy. Trên thực tế, trong hệ thống từ vựng tiếng Việt và tiếng Triều Tiên, khoảng 70 đến 80% từ vựng văn hoá là những từ gốc Hán hoặc gốc chữ Hán. Vì vậy, chúng có thể tiếp nhận kho tàng văn hoá chung giữa các nước Á Đông thông qua chữ Hán hoặc từ Hán.

Khác với những nước như thế, nước Nhật, vẫn tiếp tục sử dụng chữ Hán. Chữ Hán đã thấm vào đời sống của người Nhật một cách rộng rãi và sâu sắc nên nếu thiếu nó thì họ sẽ gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt hằng ngày. Nói cách khác, người Nhật hoàn toàn không sống nổi nếu không biết chữ Hán. Chữ Hán là một văn tự rất phức tạp, việc học tập và ghi nhớ nó vô cùng khó khăn và nặng nề đối với người Nhật. Người Nhật có vẻ tự buộc trói lại mình bằng văn tự đã vay mượn của người Trung Quốc.

Bạn bè người Việt nào cũng nói với chúng tôi nên bỏ ngay loại chữ phức tạp như thế mà lấy chữ đơn giản như chữ Latinh giống chữ quốc ngữ của người Việt.

Thật ra, người Nhật cũng đã nhận thấy điều này khi bước đầu sử dụng chữ Hán và nghĩ ra một phương thức lấy chữ Hán có phát âm gần giống như các âm tiết tiếng Nhật của mình để ghi lại các âm tiết đó. Trước hết, họ đã phân tích kỹ ngôn ngữ Nhật để phân ra gần 50 âm tiết rồi áp dụng chữ Hán vào từng âm tiết đó. Đó gọi là chữ “Manyoo gana”. Ban đầu, họ vẫn dùng nguyên hình chữ Hán và việc lựa chọn chữ Hán không có quy luật nào nên số chữ Hán cũng không hạn chế. Nhưng sau đó, họ dần dần sắp xếp chúng lại và đã quyết định lựa chọn một chữ Hán cho một âm tiết.

Sau đó, họ tiếp tục cố gắng giản lược chữ Hán nguyên bản thành chữ rất đơn giản, dễ viết và dễ nhớ, được gọi là chữ “Hiragana”. Chữ này là một thứ chữ biểu âm, biểu âm tiết vì các chữ đối ứng với các âm tiết.

Ví dụ: a: 安 > あ i: 以 > い u: 宇 > う ... (theo nguyên tắc viết thảo)

Và sau đó, người Nhật tạo ra một thứ chữ khác theo nguyên lý rất giống với thứ chữ “Hiragana”. Đó gọi là chữ “Katakana”, cũng là thứ chữ biểu âm, biểu âm tiết.

Ví dụ: a: 阿 > ア i: 伊 > イ u: 宇 > ウ ... (theo nguyên tắc lấy bộ phận)

Cuối cùng, người Nhật đã có một hệ thống văn tự vô cùng phức tạp và hiểm hoi trên thế giới, tức là muốn ghi lại từ vựng nào có nghĩa thực chất, tức là “thực từ”, bằng chữ Hán là một thứ chữ biểu ý, gọi chính xác là chữ biểu từ, và muốn ghi lại từ vựng không có nghĩa thực chất mà chỉ có nghĩa ngữ pháp, tức là “hư từ”, bằng chữ Hiragana, còn các từ vựng ngoại lai, nhất là từ phương Tây và từ tượng thanh và tượng hình được viết bằng chữ Katakana, tất nhiên hai thứ chữ đó đều là thứ chữ biểu âm. Người Nhật đã xác lập một hệ thống văn tự rất vững chắc và rất sắc sảo, dùng cả chữ biểu ý lẫn chữ biểu âm, tức là một thứ chữ biểu ý và hai thứ chữ biểu âm.

Điều đó có nghĩa là xác lập sự phân biệt chức năng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Về ngôn ngữ nói, tiếng Nhật từ xưa đến nay chỉ có hệ thống ngữ âm rất nghèo nàn cho nên khi nói và nghe, người ta thường khó phân biệt từ này với từ khác vì từ đồng âm vô cùng nhiều. Để tránh tình hình này, người ta đã áp dụng ngôn ngữ viết là văn tự. Tức là hệ thống văn tự Nhật Bản xuất hiện và tồn tại để bù đắp lại các khó khăn về mặt ngôn ngữ. Tiếng Nhật là một thứ ngôn ngữ có thể nói là duy nhất trên thế giới mà ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói có quan hệ hết sức chặt chẽ.

Tiếng Nhật đã là một hệ thống ngôn ngữ có hai mặt, thính giác và thị giác, rất chặt chẽ cho nên không thể nào tách một mặt này riêng biệt với mặt khác. Nếu tách ra như vậy thì người ta không thực hiện được cả về việc truyền thông lẫn về sinh hoạt hằng ngày nữa.

Các dân tộc đang tiếp tục sử dụng chữ Hán đến nay vẫn có thể “bút đàm” (đối thoại bằng chữ Hán) với nhau. Thực ra, khi thương nhân Nhật đến Hội An vào thế kỷ VXI - XVII thì người Việt và người Nhật đã giao lưu bằng cách bút đàm. Thông qua bút đàm, hai dân tộc cũng có thể học được ngôn ngữ của nhau một cách dễ dàng. May mắn là có rất nhiều từ vựng gốc Hán chung ở tiếng Việt và tiếng Nhật, nên chỉ đổi cách phát âm một chút là sẽ hiểu nhau được ngay. Chúng tôi mong muốn có thể thực hiện tổ chức một cộng đồng văn hoá và kinh tế trong cả khu vực Á Đông giống như Liên minh châu Âu, trước tiên bằng cách sử dụng từ Hán, về sau, nếu được thì là bằng cách sử dụng chữ Hán.

Một điều thuận lợi là hiện nay, chữ Hán không phải là thứ chữ chỉ viết được bằng tay mà có thể đánh máy được. Dĩ nhiên, người Nhật chúng tôi thì cần biết cách viết tay từng chữ, phải nhớ mặt chữ, nhưng các bạn Việt Nam thì không cần biết cách viết tay mà chỉ cần biết hình chữ mà thôi. Tiếng Việt có từ “hình chữ nhật”, tượng trưng hình thức của chữ Hán có cách đọc là “nhật”. Điều đó chứng tỏ là trong ký ức người Việt hiện đại vẫn còn tồn tại hình ảnh của chữ Hán “nhật”. Các bạn Việt Nam chỉ cần học chữ Hán đến mức như thế thì chắc máy tính sẽ giúp đổi hình ảnh đó thành chữ tròn vẹn. Chúng ta chỉ cần phát triển một phần mềm có thể đổi tự động chữ quốc ngữ thành chữ Hán.

Cụ thể là chúng ta có thể áp dụng một phương thức ghi âm rất đặc biệt của tiếng Nhật gọi là “rubi” (bắt nguồn từ từ *ruby* tiếng Anh nghĩa là *hồng ngọc*) vào cả tiếng Việt. Đó là chữ rất nhỏ để chỉ cách đọc của những chữ Hán khó đọc như sau:

ベトナム大使館で手続きをする: làm thủ tục ở đại sứ quán Việt Nam

Những chữ nhỏ được ghi trên các chữ Hán là cách đọc bằng chữ “Hiragana”. Đó chính là “rubi”. Như thế thì người ta vừa biết được cách đọc của các chữ Hán vừa hiểu cả nghĩa một cách dễ dàng.

Tôi đề xuất là trước khi học tập chữ Hán, người Việt có thể áp dụng phương thức trên vào ngôn ngữ viết của mình như sau, nhưng “rubi” sẽ là chữ Hán đối với các từ Hán:

手続大使館越南
làm thủ tục ở đại sứ quán Việt Nam

Viết như thế thì người Nhật dễ hiểu ý của câu đó. Và có nghĩa là hai dân tộc có thể có cơ sở hiểu nhau và học tập lẫn nhau. Trên cơ sở đó, tôi tin người Việt cũng có ý thức học thêm, thuộc thêm chữ Hán cơ bản và cả người Nhật cũng có thể dễ tiếp cận tiếng Việt.

Chúng ta cố gắng hợp tác để khai thác phần mềm giúp ích cho việc giao lưu và thúc đẩy giao lưu giữa hai nước và cuối cùng, sẽ động viên thế hệ trẻ người Việt đã quen nhìn chữ Hán tích cực học tiếng Nhật hoặc tiếng các nước Á Đông đang dùng chữ Hán.

Thông qua việc học chữ Hán, dân tộc Việt Nam có thể hiểu sâu về ngôn ngữ của mình. Đồng thời, việc học chữ Hán sẽ rất hữu ích cho việc học các thứ tiếng Á Đông như tiếng Nhật và tiếng Trung Quốc, cũng có thể cho phép giữ gìn và kế thừa di sản văn hoá và kỹ thuật bằng các từ gốc Hán, vốn có tính văn hoá cao giống như tiếng Latinh hoặc tiếng Hy Lạp cổ.

Chúng tôi biết rằng hiện nay, có một số người Nhật tin tưởng rằng những người kế thừa vị trí của mình không phải là người Nhật mà là người Việt. Người Á Đông hợp tác với nhau để giáo dục trẻ con Á Đông là một cách giáo dục hay hơn cả. Trong khi thực hiện giáo dục như vậy và truyền đạt văn hoá truyền thống và kỹ thuật, chúng ta không thể thiếu được chữ Hán. Để không tiếp tục bị đơn độc

hoá trong khu vực Á Đông, chúng tôi thiết nghĩ hai dân tộc Việt Nam và Bắc Triều Tiên nên phục hồi lại giáo dục chữ Hán.